

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2020
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Trình;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại hội trường Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Vân T, xã Thủy T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm 1968 (Đã bị Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2019/QĐDS-DS ngày 22/7/2019); địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn Công L, xã Thủy V, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2020 cũng như tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị N đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thủy T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại nhà của ông T ở thôn Vân T, xã Thủy T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 tháng thì xảy ra mâu thuẫn nên bà N bỏ về nhà cha mẹ ở thôn Công L, xã Thủy V, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế để ở. Đến tháng 7 năm 2010, bà N đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ đó đến nay không có tin tức gì. Ông T đã tìm mọi cách để liên lạc nhưng vẫn không biết tin tức của bà N hiện nay làm gì, ở đâu, còn sống hay đã chết. Do đó, vào năm 2019 ông T đã làm thủ tục yêu cầu tuyên bố bà Trương Thị N mất tích và Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy đã mở phiên họp tuyên bố Trương Thị N mất tích theo Quyết định số: 03/2019/QĐST-DS ngày 22/7/2020. Nay ông T có yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Trương Thị N: Bà N đã bị Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên bố mất tích theo Quyết định số: 03/2019/QĐST-DS ngày 22/7/2019, Quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn Trương Thị Ngọt đang bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số: 03/2019/QĐST-DS ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy nên đã vắng mặt không tham gia tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại các Điều 70, 72 Bộ Tố tụng luật dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Ông Nguyễn Văn T ly hôn với bà Trương Thị N; về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết; về án phí buộc ông T phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện nộp tại Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn Trương Thị , có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn Công L, xã Thủy V, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Do bị đơn Trương Thị N đã bị tuyên bố mất tích, Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà N nên đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bà N vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Trương Thị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị N đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thủy T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình sinh sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 7 năm 2010 bà N bỏ đi khỏi nơi cư trú từ đó đến nay không có tin tức gì. Ông T đã tìm mọi cách để liên lạc, tìm kiếm nhưng vẫn không biết tin tức của bà N hiện nay đang làm gì, ở đâu, còn sống hay đã chết. Tòa án đã tuyên bố Trương Thị N mất tích theo quyết định số: 03/2019/QĐST-DS ngày 22/7/2019, Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà N là người đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của ông T là có căn cứ nên cần chấp nhận cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Trương Thị N.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T trình bày vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Trương Thị N.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005528 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TX Hương Thủy;
- Chi cục THADSTX H;
- Dương sự;
- UBND xã Thủy T, thị xã H;
- (Đăng ký ngày: 30/12/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Dũng